

học Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 4.4.2023

DUYÊN KHỞI TỪ SÁU GIÁC QUAN

Kinh Tại Nātika (Nātikasuttam)

Tập II – Thiên Nhân Duyên

Chương I. Tương Ưng Nhân Duyên (b) - Phẩm Gia Chủ (S. ii, 84)

Thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm, suy nghĩ là điểm gặp gỡ của căn và cảnh. Nguyên uỷ của phiền não bắt đầu từ đó mà sự tu tập cũng bắt đầu từ đó. Người biết tu tập với sự hiểu biết về duyên khởi sẽ không thấy đau khổ như một ngọn núi bất động khiến tự thân bất lực. Trái lại sẽ nhìn cuộc sống như những phân mảnh, và từ đó, có phương cách thích hợp để ứng phó và tu tập nội tại. Bài kinh này một lần nữa cho thấy sự áp dụng thực tiễn giáo lý duyên khởi và đời sống hằng ngày của sự tu tập. Ở đây quá khứ và tương lai, năng duyên và sở duyên, nhân và quả nằm trọn trong tầm nhìn của hành giả.



Kinh Văn

Evam me sutam – ekaṃ samayaṃ bhagavā nātike viharati giñjakāvasathe. Atha kho bhagavā rahogato paṭisallāno imaṃ dhammapariyāyaṃ abhāsi –
“Cakkhuñca paṭicca rūpe ca uppajjati cakkhuvīññāṇaṃ. Tiṇṇaṃ saṅgati phasso. Phassapaccayā vedanā, vedanāpaccayā taṇhā; taṇhāpaccayā upādānaṃ...pe... evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo hoti.

“Sotañca paṭicca sadde ca...pe... ghānañca paṭicca gandhe ca... jivhañca paṭicca rase ca... kāyañca paṭicca phoṭṭhabbe ca... manañca paṭicca dhamme ca uppajjati manoviññāṇaṃ. Tiṇṇaṃ saṅgati phasso. Phassapaccayā vedanā; vedanāpaccayā taṇhā; taṇhāpaccayā upādānaṃ...pe... evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo hoti.

Tôi được nghe như vậy,

Một thuở Đức Thế Tôn ngự ở Nātika trong một ngôi nhà gạch. Bảy giờ trong lúc độc cư thiền tịnh Đức Thế Tôn đã nói lên pháp này:

Tùy thuộc vào mắt và cảnh sắc, nhãn thức phát sanh. Sự kết hợp của ba thành tố gọi là xúc. Do duyên xúc, thọ sanh khởi. Do duyên thọ, ái sanh khởi. Đây là tập khởi của toàn bộ khổ uẩn.

Tùy thuộc vào tai và âm thanh, nhĩ thức phát sanh ...

Tùy thuộc vào mũi và cảnh khí, tỷ thức phát sanh ...

Tùy thuộc vào lưỡi và cảnh vị, thiệt thức phát sanh ...

Tùy thuộc vào thân và cảnh xúc, thân thức phát sanh ...

Tùy thuộc vào ý và cảnh pháp, ý thức phát sanh. Sự kết hợp của ba thành tố gọi là xúc. Do duyên xúc, thọ sanh khởi. Do duyên thọ, ái sanh khởi.

Đây là tập khởi của toàn bộ khổ uẩn.

“Cakkhuñca paṭicca rūpe ca uppajjati cakkhuviññāṇaṃ. Tiṇṇaṃ saṅgati phasso. Phassapaccayā vedanā; vedanāpaccayā taṇhā. Tassāyeva taṇhāya asesavirāganirodhā upādānanirodho; upādānanirodhā bhavanirodho...pe... evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa nirodho hoti.

“Sotañca paṭicca sadde ca...pe... manañca paṭicca dhamme ca uppajjati manoviññāṇaṃ. Tiṇṇaṃ saṅgati phasso. Phassapaccayā vedanā; vedanāpaccayā taṇhā. Tassāyeva taṇhāya asesavirāganirodhā upādānanirodho; upādānanirodhā bhavanirodho...pe... evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa nirodho hoti”’ti.

Tùy thuộc vào mắt và cảnh sắc, nhãn thức phát sanh. Sự kết hợp của ba thành tố gọi là xúc. Do duyên xúc, thọ sanh khởi. Do duyên thọ, ái sanh khởi. Nhưng với sự đoạn diệt hoàn toàn ái nên thủ đoạn diệt, do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt, do hữu đoạn diệt nên sanh đoạn diệt, do sanh đoạn diệt già chết, sầu, bi, khổ, ưu, ai đoạn diệt. Đây là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn.

Tùy thuộc vào tai và âm thanh, nhĩ thức phát sanh ...

Tùy thuộc vào mũi và cảnh khí, tỷ thức phát sanh ...

Tuỳ thuộc vào lưỡi và cảnh vị, thiết thức phát sanh ...

Tuỳ thuộc vào thân và cảnh xúc, thân thức phát sanh ...

Tuỳ thuộc vào ý và cảnh pháp, ý thức phát sanh. Sự kết hợp của ba thành tố gọi là xúc. Do duyên xúc, thọ sanh khởi. Do duyên thọ, ái sanh khởi. Đây là tập khởi của thế giới. Nhưng với sự đoạn diệt hoàn toàn ái nên thủ đoạn diệt, do thủ đoạn diệt nên hữu đoạn diệt, do hữu đoạn diệt nên sanh đoạn diệt, do sanh đoạn diệt già chết, sầu, bi, khổ, ưu, ai đoạn diệt. ấy là sự đoạn diệt thế giới .

Đây là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn.

Tena kho pana samayena aññataro bhikkhu bhagavato upassuti ʘhito hoti. Addasā kho bhagavā taṃ bhikkhuṃ upassuti ʘhitaṃ. Disvāna taṃ bhikkhuṃ etadavoca – “assosi no tvam, bhikkhu, imaṃ dhammapariyāya”nti? “Evaṃ, bhante”ti. “Uggaṇhāhi tvam, bhikkhu, imaṃ dhammapariyāyaṃ; pariyaṃuṇāhi tvam, bhikkhu, imaṃ dhammapariyāyaṃ; dhārehi tvam, bhikkhu, imaṃ dhammapariyāyaṃ. Atthasaṃhito ayaṃ, bhikkhu, dhammapariyāyo ādibrahmacariyako”ti. Pañcamaṃ.

Bấy giờ, có một vị tỳ khuru đang đứng nghe Thế Tôn.

Thế Tôn thấy vị tỳ khuru đang đứng nghe hỏi rằng:

-- Này Tỳ khuru, có nghe pháp môn này không?

-- Thưa có, bạch Đức Thế Tôn.

-- Này Tỳ khuru, hãy học pháp môn này. Hãy ghi nhớ và chiêm nghiệm kỹ. Pháp môn này có lợi lạc và liên hệ tới căn bản đời sống phạm hạnh.

Chú Thích

Nātika với ngôi nhà gạch có một số giai thoại được đề cập trong phụ chú các bài kinh sắp tới.

Chữ dhammapariyāya có nghĩa là cách thức học pháp. Phổ biến nhất là tụng đọc kinh văn để bản thân được nghe (upassuti). Cách này được thực hành rộng rãi trong ở các tu viện trong hình thức tụng kinh.

Tỳ khuru Giác Đăng soạn dịch

5. Nātikasuttam

45. Evaṃ me sutam – ekam samayaṃ bhagavā nātike viharati giñjakāvasathe. Atha kho bhagavā rahogato paṭisallāno imaṃ dhammapariyāyaṃ abhāsi –

“Cakkhuñca paṭicca rūpe ca uppajjati cakkhuvīññāṇaṃ. Tiṇṇaṃ saṅgati phasso. Phassapaccayā vedanā, vedanāpaccayā taṇhā; taṇhāpaccayā upādānaṃ...pe... evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo hoti.

“Sotañca paṭicca sadde ca...pe... ghānañca paṭicca gandhe ca... jivhañca paṭicca rase ca... kāyañca paṭicca phoṭṭhabbe ca... manañca paṭicca dhamme ca uppajjati manovīññāṇaṃ. Tiṇṇaṃ saṅgati phasso. Phassapaccayā vedanā; vedanāpaccayā taṇhā; taṇhāpaccayā upādānaṃ...pe... evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo hoti.

“Cakkhuñca paṭicca rūpe ca uppajjati cakkhuvīññāṇaṃ. Tiṇṇaṃ saṅgati phasso. Phassapaccayā vedanā; vedanāpaccayā taṇhā. Tassāyeva taṇhāya asesavirāganirodhā upādānanirodho; upādānanirodhā bhavanirodho...pe... evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa nirodho hoti.

“Sotañca paṭicca sadde ca...pe... manañca paṭicca dhamme ca uppajjati manovīññāṇaṃ. Tiṇṇaṃ saṅgati phasso. Phassapaccayā vedanā; vedanāpaccayā taṇhā. Tassāyeva taṇhāya asesavirāganirodhā upādānanirodho; upādānanirodhā bhavanirodho...pe... evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa nirodho hoti”ti.

Tena kho pana samayena aññataro bhikkhu bhagavato upassuti [upassutiṃ (sī. pī.)] ṭhito hoti. Addasā kho bhagavā taṃ bhikkhuṃ upassuti ṭhitaṃ. Disvāna taṃ bhikkhuṃ etadavoca – “assosi no tvam, bhikkhu, imaṃ dhammapariyāya”nti? “Evaṃ, bhante”ti. “Uggaṇhāhi tvam, bhikkhu, imaṃ dhammapariyāyaṃ; pariyāpuṇāhi tvam, bhikkhu, imaṃ dhammapariyāyaṃ; dhārehi tvam, bhikkhu, imaṃ dhammapariyāyaṃ. Atthasaṃhito ayam [atthasaṃhitoyam (sī. syā. kam.), atthasaṃhitāyam (pī. ka.)], bhikkhu, dhammapariyāyo ādibrahmacariyako”ti. Pañcamaṃ.

5. Nātikasuttavaṇṇanā

45. Pañcame nātiketi dvinnaṃ nātakānaṃ gāme. Giñjakāvasatheti itṭhakāhi kate mahāpāsāde. Dhammapariyāyanti dhammakāraṇaṃ. Upassutīti upassutitṭhānaṃ, yaṃ ṭhānaṃ upagatena sakkā hoti bhagavato saddaṃ sotaṃ, tattha ṭhitoti attho. So

kira gandhakuṭipariveṇasammajjanatthaṃ āgato attano kammaṃ pahāya bhagavato dhammaghosam suṇanto aṭṭhāsi. **Addasā**ti tadā kira bhagavato āditova paccayākāraṃ manasikarontassa “idaṃ iminā paccayena hoti, idaṃ iminā”ti āvajjato yāva bhavaggā ekaṅgaṇaṃ ahosi, sathā manasikāraṃ pahāya vacasā sajjhāyaṃ karonto yathānusandhinā desanaṃ nitṭhapetvā, “api nu kho imaṃ dhammapariyāyaṃ koci assosī”ti āvajjento taṃ bhikkhumaddasa. Tena vuttaṃ “addasā kho bhagavā”ti.

Assosi noti assosi nu. Atha vā **assosi noti** amhākaṃ bhāsantānaṃ assosīti. **Uggaṇhāhī**tiādīsu sutvā tuṇhībhūtova paṇaṃ karonto uggaṇhāti nāma. Padānupadaṃ ghaṭetvā vācāya paricitaṃ karonto pariyāpuṇāti nāma. Ubhayathāpi paṇaṃ ādhārappattaṃ karonto dhāreti nāma. **Atthasaṃhitoti** kāraṇanissito. **Ādibrahmacariyakoti** maggabrahmacariyassa ādi patitṭhānabhūto. Iti tīsupi imesu suttesu vaṭṭavivaṭṭameva kathitaṃ. Pañcamaṃ.